

KẾ HOẠCH
Phát triển hạ tầng số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Quyết định số 912/QĐ-BKHCN ngày 18/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số thời kỳ 2025-2030; Quyết định số 3369/QĐ-BKHCN ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Chương trình thúc đẩy, triển khai, chuyển đổi IPv6 only cho Việt Nam giai đoạn 2026-2030; xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 72/TTr-SKHCN ngày 29/4/2026¹, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2030 cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Phát triển hạ tầng số tỉnh Quảng Ngãi đồng bộ, hiện đại, an toàn, bền vững, có khả năng kết nối tốc độ cao, dung lượng lớn, tạo nền tảng cho phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức triển khai phát triển hạ tầng số gắn với hạ tầng kỹ thuật thiết yếu của tỉnh, nhất là hạ tầng giao thông, điện lực, chiếu sáng, cấp thoát nước, công trình ngầm và các hạ tầng kỹ thuật khác; bảo đảm phù hợp với quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan; ưu tiên tại khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị, trung tâm hành chính, khu du lịch và các khu vực có nhu cầu chuyển đổi số cao.

2. Yêu cầu

- Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ phát triển hạ tầng số của Trung ương; kế thừa, đồng bộ với các mục tiêu, nhiệm vụ đã được tỉnh xác định tại các chương trình, kế hoạch có liên quan.

- Bảo đảm tính khả thi, phù hợp điều kiện thực tiễn của tỉnh; tăng cường sử dụng chung hạ tầng, nâng cao hiệu quả đầu tư; đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực hợp pháp của doanh nghiệp.

¹ Về ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2030.

- Bảo đảm an toàn, an ninh mạng, khả năng dự phòng, liên thông, chia sẻ và mở rộng của hạ tầng số.

II. MỤC TIÊU

1. Đến năm 2027

- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng tối thiểu 85% dân số; đồng thời bảo đảm phủ sóng 5G tại 100% khu công nghiệp, khu đô thị, trung tâm hành chính, khu du lịch trên địa bàn tỉnh.

- Tối thiểu 70% người sử dụng trên địa bàn tỉnh có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.

- Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn tỉnh đạt tối thiểu 60%; 100% hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung đầu tư mới hoặc nâng cấp của tỉnh có phương án hỗ trợ IPv6.

- Tối thiểu 50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân; trên 80% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh bảo đảm an toàn, dự phòng, kết nối tốc độ cao; từng bước hình thành hạ tầng điện toán đám mây của địa phương phục vụ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và nền tảng số dùng chung của xã, phường, đặc khu (*phục vụ và hỗ trợ nhu cầu chuyển đổi số của các Hợp tác xã, Tổ hợp tác và doanh nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và người dân trên địa bàn tỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp, được liệu hàng hóa phục vụ xuất khẩu góp phần vào mục tiêu tăng trưởng bình quân 10% giai đoạn 2026-2030*).

- Thực hiện lộ trình dịch chuyển, tích hợp hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và nền tảng số dùng chung của tỉnh lên hạ tầng tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

- Triển khai Kho dữ liệu dùng chung, tăng cường tích hợp, chia sẻ dữ liệu; bảo đảm khả năng kết nối với các nền tảng dữ liệu quốc gia, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

- Triển khai hạ tầng IoT dùng chung tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; hình thành ít nhất 01 mô hình IoT dùng chung trong khu công nghiệp và ít nhất 01 mô hình ứng dụng cảm biến IoT trong một trong các lĩnh vực: giao thông, môi trường, cấp nước nông thôn, nông nghiệp,...

2. Đến năm 2030

- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số trên địa bàn tỉnh; duy trì phủ sóng ổn định tại 100% khu công nghiệp, khu đô thị, trung tâm hành chính, khu du lịch; mở rộng đến các khu vực sản xuất, logistics, cụm công nghiệp và khu vực có nhu cầu sử dụng cao.

- Phân đầu 100% khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trọng điểm có hạ tầng truyền dẫn cáp quang và hạ tầng số đáp ứng yêu cầu triển khai 5G, IoT, nhà máy thông minh, quản trị sản xuất và logistics thông minh.

- Tối thiểu 80% người sử dụng trên địa bàn tỉnh có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s; các khu vực đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, trung tâm hành chính, cơ sở giáo dục, y tế có hạ tầng băng rộng cố định chất lượng cao, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu dịch vụ số tiên tiến.

- Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn tỉnh đạt tối thiểu 90%; 100% hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung, hạ tầng dữ liệu và dịch vụ số mới của tỉnh hỗ trợ IPv6.

- Tối thiểu 70% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân; trên 95% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.

- Phát triển Trung tâm dữ liệu tỉnh theo hướng hiện đại, xanh, an toàn, có khả năng mở rộng linh hoạt, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật cao; sẵn sàng kết nối, liên thông với các trung tâm dữ liệu quốc gia, khu vực và doanh nghiệp.

- Hình thành hạ tầng dữ liệu và điện toán đám mây của tỉnh theo mô hình kết hợp (hybrid cloud), bảo đảm tối ưu chi phí, hiệu năng, an toàn thông tin; ưu tiên sử dụng dịch vụ điện toán đám mây trong triển khai các hệ thống thông tin, nền tảng số.

- Phát triển hệ sinh thái dữ liệu số của tỉnh, bao gồm kho dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở và nền tảng phân tích, khai thác dữ liệu, phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

- Nghiên cứu, thu hút đầu tư các trung tâm dữ liệu của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, phù hợp với quy hoạch và nhu cầu phát triển, từng bước hình thành hạ tầng dữ liệu có tính liên kết vùng.

- Triển khai hạ tầng IoT dùng chung tại các khu công nghiệp; mở rộng ứng dụng IoT trong giám sát môi trường, cấp nước, nông nghiệp, giao thông, đô thị và hạ tầng công cộng; hình thành tối thiểu 04 lĩnh vực ứng dụng IoT có kết nối, thu thập, chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ công.

(Phụ lục phân công nhiệm vụ và Bảng chỉ tiêu theo dõi kèm theo)

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và lồng ghép yêu cầu phát triển

- Rà soát, cập nhật, lồng ghép yêu cầu phát triển hạ tầng số vào Quy hoạch tỉnh, các quy hoạch ngành, lĩnh vực và kế hoạch đầu tư xây dựng; bảo đảm bố trí không gian hợp lý cho hạ tầng viễn thông, trung tâm dữ liệu, hạ tầng IoT và các công trình kỹ thuật số.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển hạ tầng số; khuyến khích sử dụng hạ tầng kỹ thuật dùng chung liên ngành, đa mục đích; đẩy mạnh xã hội hóa, hợp tác công - tư và mô hình thuê dịch vụ công nghệ số.

- Nghiên cứu cơ chế ưu đãi, thu hút doanh nghiệp đầu tư hạ tầng số, đặc biệt là trung tâm dữ liệu, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng số phục vụ khu công nghiệp, khu kinh tế.

2. Phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng

- Thúc đẩy ứng dụng 5G trong sản xuất thông minh, logistics, giám sát môi trường, an toàn lao động và các lĩnh vực kinh tế trọng điểm.
- Hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông đầu tư, nâng cấp, mở rộng hạ tầng băng rộng cố định, di động, cáp quang, mạng lõi, hạ tầng truyền dẫn; bảo đảm dung lượng lớn, tốc độ cao, sẵn sàng cho các dịch vụ số tiên tiến.
- Đẩy mạnh đầu tư, phát triển sử dụng chung hạ tầng viễn thông thụ động (*cột ăng ten, nhà trạm, cống bể cáp, hạ tầng ngầm,...*) theo hướng ưu tiên xã hội hóa theo quy định pháp luật, bảo đảm mỹ quan đô thị, an toàn và hiệu quả đầu tư.
- Mở rộng vùng phủ sóng 5G gắn với nhu cầu thực tế, ưu tiên các khu du lịch, các khu vực đô thị lớn, trung tâm hành chính, các Khu kinh tế, khu công nghiệp, và các khu vực sản xuất, cảng biển, trung tâm logistics, Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất.

3. Phát triển hạ tầng IPv6, định hướng IPv6 only

- Ban hành và tổ chức triển khai lộ trình chuyển đổi IPv6/IPv6 only trên địa bàn tỉnh, phù hợp định hướng quốc gia.
- Ưu tiên triển khai IPv6 only đối với trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, mạng truy nhập, IoT, 4G/5G và các hệ thống thông tin, nền tảng số mới.
- Khuyến khích doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ số chủ động chuyển đổi hạ tầng, dịch vụ sang IPv6/IPv6 only đảm bảo theo lộ trình.

4. Phát triển hạ tầng dữ liệu, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây

- Phát triển Trung tâm dữ liệu tỉnh theo hướng hiện đại, an toàn, có khả năng dự phòng, mở rộng linh hoạt, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu Tier III; bảo đảm kết nối tốc độ cao, liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số trong tỉnh và sẵn sàng kết nối với hạ tầng dữ liệu quốc gia, khu vực.
- Từng bước chuyển đổi, triển khai các hệ thống thông tin, nền tảng số của tỉnh theo định hướng ưu tiên sử dụng dịch vụ điện toán đám mây (cloud-first); phát triển hạ tầng điện toán đám mây theo mô hình kết hợp (hybrid cloud), bảo đảm tối ưu chi phí, hiệu năng và an toàn thông tin.
- Xây dựng, phát triển hạ tầng dữ liệu của tỉnh bao gồm Kho dữ liệu dùng chung, hệ sinh thái dữ liệu mở và các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu, đồng thời kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định.
- Triển khai các nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu, từng bước ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, dự báo, ra quyết định và cung cấp dịch vụ công.
- Tăng cường sử dụng dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ hạ tầng số do doanh nghiệp cung cấp; đẩy mạnh hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, giảm đầu tư dàn trải, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư trung tâm dữ liệu trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy hoạch, điều kiện hạ tầng điện, đất đai và nhu cầu phát triển; từng bước hình thành hạ tầng dữ liệu có tính liên kết vùng.

- Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho hạ tầng dữ liệu, trung tâm dữ liệu và nền tảng điện toán đám mây; triển khai các giải pháp sao lưu, dự phòng, phục hồi dữ liệu, đáp ứng yêu cầu vận hành liên tục và bảo vệ dữ liệu số của tỉnh.

5. Phát triển hạ tầng IoT và tích hợp hạ tầng vật lý - số

- Triển khai hạ tầng IoT dùng chung tại khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; phát triển nền tảng kết nối, quản lý, thu thập và chia sẻ dữ liệu từ thiết bị IoT.

- Thúc đẩy tích hợp cảm biến, IoT, AI và công nghệ truyền dữ liệu trong các lĩnh vực: giao thông, môi trường, năng lượng, cấp nước, nông nghiệp, đô thị và hạ tầng công cộng.

- Bảo đảm dữ liệu IoT được kết nối, chia sẻ với Kho dữ liệu dùng chung, phục vụ công tác quản lý nhà nước và phát triển dịch vụ số.

6. Phát triển nền tảng số và tiện ích số dùng chung

- Phát triển các nền tảng số dùng chung của tỉnh theo hướng tập trung, có khả năng mở rộng, liên thông và tích hợp dữ liệu; bảo đảm kết nối với các nền tảng quốc gia.

- Ưu tiên triển khai các nền tảng phục vụ quản trị, điều hành, phân tích dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; thúc đẩy khai thác dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

7. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho hạ tầng số, hệ thống thông tin, nền tảng số, trung tâm dữ liệu và IoT theo quy định.

- Tăng cường giám sát, cảnh báo sớm, phát hiện và xử lý sự cố an toàn thông tin; nâng cao năng lực phòng ngừa, ứng phó và phục hồi.

- Bảo đảm an toàn dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và dữ liệu quan trọng của tỉnh trong môi trường số.

8. Nâng cao nhận thức, phát triển nguồn nhân lực và thúc đẩy sử dụng

- Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của hạ tầng số, dữ liệu, 5G, IoT, IPv6, điện toán đám mây và an toàn thông tin.

- Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực quản lý, vận hành hạ tầng số; phát triển đội ngũ chuyên gia về viễn thông, dữ liệu, IoT, an toàn thông tin và chuyển đổi số.

- Thúc đẩy người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ số, nền tảng số, góp phần nâng cao hiệu quả khai thác hạ tầng số.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành; nguồn lồng ghép trong các chương trình, kế hoạch, đề án liên quan; nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện theo quy định; tổ chức triển khai lộ trình phát triển hạ tầng số, hạ tầng viễn thông (*ưu tiên phát triển hạ tầng trạm BTS dùng chung theo quy định*), IPv6, IPv6 only, 5G, IoT, hạ tầng dữ liệu và các nền tảng số dùng chung.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện; định kỳ tổng hợp, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính: Phối hợp tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và khả năng cân đối của địa phương.

3. Sở Xây dựng: Phối hợp lồng ghép yêu cầu phát triển hạ tầng số vào quy hoạch, kế hoạch, chương trình đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng kỹ thuật; phối hợp triển khai sử dụng chung hạ tầng, công trình ngầm, cột, trạm, tuyến kỹ thuật và các công trình liên quan theo quy định.

4. Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi: Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ số trong triển khai hạ tầng 5G, IoT tại khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; tạo điều kiện khảo sát, lắp đặt, dùng chung hạ tầng; hỗ trợ kết nối doanh nghiệp sản xuất với các doanh nghiệp cung cấp giải pháp số, giải pháp IoT.

5. Công an tỉnh: Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị, địa phương và doanh nghiệp có liên quan triển khai các nhiệm vụ bảo đảm an ninh mạng, phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, xử lý hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến hạ tầng số, hệ thống thông tin, dữ liệu số; phối hợp bảo vệ công trình viễn thông, hạ tầng số và xử lý hành vi phá hoại, cản trở việc xây dựng, lắp đặt, vận hành công trình theo quy định.

6. Các sở, ban, ngành, địa phương theo chức năng nhiệm vụ

- Chủ động phối hợp triển khai các nhiệm vụ phát triển hạ tầng số thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; lồng ghép nội dung phát triển hạ tầng số vào chương

trình, kế hoạch, đề án của cơ quan, đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện đảm bảo đồng bộ, hiệu quả.

- Phối hợp tạo điều kiện trong triển khai công trình hạ tầng số, công trình viễn thông; tham gia tuyên truyền, vận động, giải quyết khó khăn phát sinh, bảo vệ công trình hạ tầng số theo quy định.

8. Doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số, hạ tầng: Xây dựng kế hoạch đầu tư, cải tạo, nâng cấp, mở rộng hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi phù hợp mục tiêu của Kế hoạch; chủ động phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước, khu công nghiệp, khu kinh tế, địa phương trong triển khai dùng chung hạ tầng, phát triển hạ tầng 5G, IoT, IPv6, IPv6 only, hạ tầng dữ liệu, dịch vụ số, bảo đảm chất lượng dịch vụ, an toàn và bảo mật thông tin.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp triển khai thực hiện (*Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 252/KH-UBND ngày 31/12/2024² và Kế hoạch số 3148/KH-UBND ngày 20/9/2023³*).

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (báo cáo);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số, hạ tầng;
- VPUB: CVP, PCVP, CBTH;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_{TPC}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Phước Hiền

² Về phát triển hạ tầng số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

³ Về phát triển hạ tầng số tỉnh Kon Tum đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

PHỤ LỤC
Phân công nhiệm vụ và bảng chỉ tiêu theo dõi, đo lường thực hiện Kế hoạch phát triển hạ tầng số
tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2030

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /5/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

I. Phân công nhiệm vụ, tiến độ, đầu ra

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Đầu ra	Thời gian
1	Rà soát hiện trạng và tổ chức triển khai hạ tầng số, viễn thông, dữ liệu, 5G, IoT trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN, doanh nghiệp viễn thông	Theo yêu cầu Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 11/11/2025 ⁴	2026-2030
2	Xây dựng, ban hành lộ trình chuyển đổi IPv6/IPv6 only trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp viễn thông, các đơn vị, địa phương có liên quan	Kế hoạch	2026
3	Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về phát triển hạ tầng băng rộng cố định tốc độ cao	Doanh nghiệp viễn thông	Sở Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả thực hiện	2026-2030
4	Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về Trung tâm dữ liệu tỉnh, Kho dữ liệu dùng chung, nền tảng chia sẻ dữ liệu theo các kế hoạch đã ban hành	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị liên quan	Theo yêu cầu Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 04/02/2026 ⁵	2026-2030
5	Thúc đẩy sử dụng chung vị trí BTS, cột treo cáp, cống bể cáp, hạ tầng ngầm	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Xây dựng, doanh nghiệp viễn thông, đơn vị quản lý hạ tầng kỹ thuật	Báo cáo tình hình sử dụng chung hạ tầng	2026-2030
6	Triển khai hệ thống/giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bao gồm Trung tâm điều hành an toàn thông tin (SOC), hệ thống giám sát an	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, địa phương; doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ số	Hệ thống SOC, hệ thống giám sát và cảnh báo sớm được triển khai, vận hành; báo cáo kết quả triển khai	2026-2030

⁴ Về triển khai hạ tầng mạng viễn thông thế hệ thứ năm (5G) và Internet vạn vật (IoT) trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2025 - 2030.

⁵ Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030.

	toàn thông tin và cảnh báo sớm trên địa bàn tỉnh				
7	Kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Báo cáo 6 tháng, hằng năm, sơ kết, tổng kết	Định kỳ

II. Bảng chỉ tiêu theo dõi, đo lường

TT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đo lường/đánh giá		Nguồn số liệu chủ yếu	Cơ quan theo dõi, tổng hợp
			Năm 2027	Năm 2030		
1	Tỷ lệ dân số được phủ sóng 5G	%	85	99	Doanh nghiệp viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu đô thị, trung tâm hành chính, khu du lịch có phủ sóng 5G	%	100	100	Doanh nghiệp viễn thông, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định trên 1Gb/s	%	70	80	Doanh nghiệp viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn tỉnh	%	60	90	Doanh nghiệp viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Tỷ lệ hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung đầu tư mới hoặc nâng cấp hỗ trợ IPv6	%	100	100	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Tỷ lệ thôn, bản được phủ sóng băng rộng di động	%	Theo Quyết định số 885/QĐ-BTTTT ngày 25/5/2023 ⁶		Doanh nghiệp viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Tỷ lệ thôn được phủ băng rộng cố định cáp quang FTTH	%			Doanh nghiệp viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ

⁶ Quyết định số 885/QĐ-BTTTT ngày 25/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Bộ tiêu chí đánh giá phát triển hạ tầng số của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

8	Tỷ lệ dùng chung vị trí BTS	%		Doanh nghiệp viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ
9	Tỷ lệ dùng chung cột treo cáp viễn thông giữa các DNVT, liên ngành	%		Doanh nghiệp viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ
10	Tỷ lệ dùng chung cống bể cáp viễn thông giữa các DNVT, liên ngành	%		Doanh nghiệp viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ
11	Tỷ lệ UBND cấp xã kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng	%		Doanh nghiệp viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ
12	Tỷ lệ hệ thống thông tin cấp tỉnh sử dụng dịch vụ điện toán đám mây	%		Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ
13	Số lượng nền tảng số dùng chung đã triển khai (Trong đó ưu tiên nền tảng có tích hợp, khai thác dữ liệu dùng chung)	Nền tảng		Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ
14	Số mô hình ứng dụng AI trong chuyển đổi số tại địa phương	Mô hình		Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ
15	Số mô hình ứng dụng Chuỗi khối (Blockchain) trong chuyển đổi số tại địa phương	Mô hình		Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ
16	Số thuê bao băng rộng di động/100 dân	Thuê bao/100 dân		Doanh nghiệp viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ
17	Số thuê bao băng rộng cố định/100 dân	Thuê bao/100 dân		Doanh nghiệp viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ
18	Tỷ lệ người sử dụng Internet	%		Điều tra, thống kê, doanh nghiệp viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ
19	Tỷ lệ hộ gia đình có truy nhập Internet băng rộng cáp quang	%		Điều tra, thống kê, doanh nghiệp viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ

20	Tốc độ băng rộng di động	Mbps			Dữ liệu đo kiểm, nền tảng công khai	Sở Khoa học và Công nghệ
21	Tốc độ băng rộng cố định	Mbps			Dữ liệu đo kiểm, nền tảng công khai	Sở Khoa học và Công nghệ
22	Số mô hình ứng dụng IoT trong chuyển đổi số tại địa phương	Mô hình/lĩnh vực	≥ 2	≥ 4	Các sở, ngành, doanh nghiệp công nghệ số	Sở Khoa học và Công nghệ
23	Số hệ thống, nền tảng, dịch vụ được triển khai IPv6 only	Hệ thống/nền tảng/dịch vụ	Theo dõi	Theo dõi	Các sở, ngành, doanh nghiệp công nghệ số	Sở Khoa học và Công nghệ

** Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp số liệu theo Phụ lục này trước ngày 15/6 đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 15/12 đối với báo cáo năm về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo theo quy định.*